

Bản án số: 38/2025/HSST

Ngày: 06/06/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Ngọc

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2025/TLST - HS ngày 20/05/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1993 Tại: huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nơi thường trú: Xóm B, Xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; H và tên bố: Bùi Văn H1, sinh năm 1963; Họ và tên mẹ: Bùi Thị T, sinh năm 1963; A, chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ 4; Vợ: Bùi Thị T1, sinh năm 1994; Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Phạm Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 6 năm 2004 Tại: huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn C, Xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Họ và tên bố: Phạm Văn C, đã chết; Họ và tên mẹ: Bùi Thị H2, sinh năm 1982; A, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ 2; Vợ, con: Chưa; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Lê Gia T2**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1979 Tại: huyện T, TP Hà Nội; Nơi thường trú: Xã T, huyện T, TP Hà Nội; Chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Họ và tên bố: Lê Gia C1, đã chết; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; A, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Bùi Thị T3, sinh năm 1990; Có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Ngày 03/7/2004, bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính Cảnh cáo về hành vi Đánh nhau;

- Ngày 16/8/2010, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi Mua dâm, chấp hành xong tiền phạt ngày 17/8/2010;

- Ngày 07/02/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù về tội Đe dọa giết người, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2015, đã xóa án tích.

Tại phiên tòa các bị cáo có mặt đủ.

Người bị hại:

1. Anh Lê Xuân Đ1, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội. Tại phiên tòa có mặt.

2. Anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội. Tại phiên tòa có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Đ: Bà Dương Thị H3 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 22/10/2024, Lê Xuân Đ1, sinh năm 1994; Nguyễn Đăng L, sinh năm 1981; Nguyễn Thế T4, sinh năm 1994; Đỗ Văn T5, sinh năm 1987, cùng trú tại thôn T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội đến quán hát “New Anh K” ở thôn Đ, xã C, huyện T. Tại đây, Đ1 nói chuyện chị Phạm Thị N1, sinh năm 2001, trú tại xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình là nhân viên quán hát kê cho Đ1 nghe việc T5 nói xấu Đ1 nên Đ1, T5, T4, L đi đến chỗ trọ của chị N1 ở thôn T Trong, xã T, huyện T để gặp chị N1. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của Đ1 đi đến phòng trọ của chị N1 nhưng chị N1 đang ở quán C2 tại thôn T, xã T, huyện T nên nhóm của Đ1 nhờ Phạm Văn N (em trai của N1) sinh năm 2004, trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa dẫn cả nhóm đến quán C2 để gặp N1 nói chuyện. Lúc này, Bùi Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình, ở trọ tại thôn T Trong, xã T, huyện T điều khiển xe máy

Honda Wave biển kiểm soát: 29V1-7161 đi qua thấy N ở quán cắt tóc nên dừng xe, đi vào hỏi chuyện thì giữa Đ và Đ1 xảy ra mâu thuẫn, Đ1 có dùng tay tát 02 phát vào mặt Đ. Sau khi bị đánh, Đ chở N đi về phòng trọ ở thôn T Trong, xã T, huyện T cách quán cắt tóc khoảng 400m. Trên đường đi, Đ gọi điện cho Lê Gia T2, sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã T, huyện T nói về việc bị Đ1 đánh. Lúc này, T2 đang sửa ống nước tại quán Karaoke của T2 ở thôn T, xã T, huyện T nên T2 lấy 01 ống nhựa dài khoảng 60cm và đi xe máy đến chỗ trọ của Đ để hỏi rõ sự việc. Khi T2 đi xe máy từ trong quán ra thì có gặp Trần Văn H4 sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã K, huyện T, H4 hỏi T2 “đi đâu đấy, cho đi cùng với” rồi nhảy lên xe của T2 nhưng T2 không nói là đi đâu, làm gì. T2 điều khiển xe máy, H4 ngồi phía sau cầm ống nhựa. Sau khi Đ, N đi về phòng trọ thì nhóm của Đ1 đi theo sau. Lúc này, N lấy 01 thanh kiếm dài khoảng 86cm, Đ lấy 01 tuýp kim loại dài khoảng 76cm để đánh nhau với nhóm của Đ1. Tại đây, Đ1 cầm gạch ném Đ, N nhưng không trúng thì Đ cầm tuýt sắt xông ra, đuổi theo vệt 03-04 phát trúng vào chân Đ1, N cầm kiếm chém 03 phát trúng vào tay, chân của Đ1. Sau đó, N và Đ bỏ chạy ra hướng dốc đê tả sông Đ thì Nguyễn Đăng L, Nguyễn Thế T4 đuổi theo. Lúc này, Lê Gia T2 điều khiển xe máy đi đến, thấy L, T4 đang đuổi theo Đ, N nên T2 dừng xe, giật ống nhựa từ tay H4 và lao vào vệt 03-04 phát trúng người L. Thấy vậy, Đ và N quay lại, Đ cầm tuýt sắt vệt 02 phát vào người L, N dùng chân đá 01 phát trúng vào người L và dùng kiếm chém 02 phát trúng tay phải, đùi phải của L. Sau khi bị đánh, L bỏ chạy về phía xóm T Trong thì nhóm của Đ dừng lại. Sau đó, L và Đ1 được đưa đi chữa trị tại bệnh viện Q. Hậu quả:

- Lê Xuân Đ1 bị vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, vết thương mặt mu bàn tay phải, vết thương mặt trong cổ chân trái được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Q từ ngày 22/10/2024 đến 01/11/2024 ra viện.

- Nguyễn Đăng L bị vết thương hở ngón 4,5 bàn tay phải, sây xát vùng lưng bên trái và cổ bên trái được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Q từ ngày 22/10/2024 đến 01/11/2024 ra viện.

- Bùi Văn Đ bị trầy xước đầu gối trái, không đi điều trị tại cơ sở y tế nào.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 86cm, chuôi bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm dài 63cm mũi nhọn, bản rộng nhất 4,5cm;

- 01 tuýt bằng kim loại được sơn màu vàng dài 76cm, đường kính 2,7cm.

**** Đối với thương tích Nguyễn Đăng L:***

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 8490/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của V - Bộ C3 (đối với Nguyễn Đăng L) xác định:

Đối chiếu bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đăng L tại thời điểm giám định tối thiểu là 01%.

Hiện tại, anh Nguyễn Đăng L đang trong quá trình điều trị tại bệnh viện nên chưa thể khám các chuyên khoa để đánh giá chức năng vận động, cảm giác bàn tay phải và các biến chứng khác (nếu có), đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện T đưa Nguyễn Đăng L đến V để giám định bổ sung sau khi đã ra viện và thu thập hồ sơ bệnh án đầy đủ.

Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương vùng bàn tay phải của Nguyễn Đăng L do vật sắc gây nên.
- Tổn thương tụ máu vùng bụng trên rốn của Nguyễn Đăng L do vật tày có thiết diện tròn gây nên;
- Các tổn thương xây sát da, tụ máu còn lại của Nguyễn Đăng L do vật tày gây nên.

Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 9368/KL-KTHS ngày 13/12/2024 của V - Bộ C3 (đối với Nguyễn Đăng L) kết luận:

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đăng L tại thời điểm giám định là: 05% (Năm phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích:

- Tổn thương bàn tay phải của Nguyễn Đăng L do vật sắc gây nên, thanh kiếm gửi giám định gây được tổn thương này;
- Tổn thương tụ máu vùng bụng trên rốn do vật tày có thiết diện tròn gây nên; phần cán chuôi của thanh kiếm và tuýt kim loại gây được tổn thương này;
- Các tổn thương xây sát da tụ máu còn lại do vật tày gây nên, thanh kiếm và tuýt kim loại gây ra được tổn thương này.

*** Đối với thương tích Lê Xuân Đ1:**

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 8489/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của V - Bộ C3 (đối với Lê Xuân Đ1) xác định:

Đối chiếu bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Xuân Đ1 tại thời điểm giám định tối thiểu là 03%.

Hiện tại, anh Lê Xuân Đ1 đang trong quá trình điều trị tại bệnh viện nên chưa thể khám các chuyên khoa để đánh giá chức năng vận động, cảm giác cẳng - bàn tay phải, cẳng chân trái và các biến chứng khác (nếu có), đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện T đưa Lê Xuân Đ1 đến V để giám định bổ sung sau khi đã ra viện và thu thập hồ sơ bệnh án đầy đủ.

Cơ chế hình thành thương tích: Các vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, mu bàn tay phải, mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái của anh Lê Xuân Đ1 do vật sắc gây nên.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 9367/KL-KTHS ngày 20 tháng 12 năm 2024 của V - Bộ C3 (đối với Lê Xuân Đ1) kết luận.

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Xuân Đ1 tại thời điểm giám định là: 07% (Bảy phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích:

- Các tổn thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, mu bàn tay phải và mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái của anh Lê Xuân Đ1 do vật sắc gây nên. T6 kiểm gửi giám định gây được các tổn thương này; tuýp kim loại không gây được các tổn thương của anh Đ1.

Ngày 23/12/2024, Nguyễn Đăng L, Lê Xuân Đ1 có đơn yêu cầu khởi tố đối với các đối tượng gây ra thương tích cho mình.

Đối với thương tích của Bùi Văn Đ, do thương tích nhẹ và không điều trị tại cơ sở y tế nào. Ngày 14/11/2024, Đ có đơn xin từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu đề nghị giải quyết gì về thương tích của mình nên Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra xác định ngày 22/10/2024, sau khi Bùi Văn Đ gọi điện nói bị nhóm của Lê Xuân Đ2 đánh thì Lê Gia T2 điều khiển xe máy và cầm theo 01 ống nhựa đi đến chỗ phòng trọ của Đ2. Lúc này, T2 có gặp Trần Văn H4 thì H4 hỏi T2 “đi đâu đấy, cho đi cùng với” rồi nhảy lên xe của T2 nhưng T2 không nói là đi đâu, làm gì. Mặt khác, khi T2 điều khiển xe máy chở H4 ngồi phía sau cầm ống nhựa đi đến khu vực dốc đê sông Đ do thấy Đ2, N bị Nguyễn Đăng L đuổi đánh nên T2 dừng xe, giật ống nhựa từ tay của H4 và lao vào đánh L, còn Trần Văn H4 không tham gia, không giúp sức, không kích động việc đánh nhau nên Cơ quan điều tra không đề cập xem xét xử lý Hào.

Đối với việc ngày 22/10/2024, các đối tượng nêu trên xảy ra xô sát, dùng hung khí đuổi đánh nhau tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Ngày 22/4/2025, Cơ quan điều tra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến hành vi Gây rối trật tự công cộng để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ 01 thanh kiếm, 01 thanh tuýt đều bằng kim loại. Chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với hung khí của vụ án là 01 ống nhựa mà Lê Gia T2 dùng để đánh gây thương tích cho Nguyễn Đăng L. T2 trình bày đã vứt ống nhựa này ở khu vực lè

đường ven đê tả sông Đ. Cơ quan điều tra dẫn giải T2 chỉ dẫn vị trí vớt hung khí, tiến hành rà soát, truy tìm hung khí nhưng không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Đăng L yêu cầu các bị can Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 bồi thường cho anh L với số tiền là 65.000.000 đồng, đến nay các bị can chưa bồi thường.

Lê Xuân Đ1 yêu cầu các bị can Bùi Văn Đ, Phạm Văn N bồi thường cho anh Đ1 với số tiền là 78.000.000 đồng, đến nay các bị can chưa bồi thường.

Cáo trạng số 39 ngày 13 tháng 05 năm 2025. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai truy tố các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung phản ánh của bản cáo trạng; Ăn năn hối cải, xin được hưởng sự khoan hồng của Pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Đ: Bà Dương Thị H3 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H gửi bài bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Đ: Bị cáo Đ trong suốt quá trình tố tụng từ giai đoạn điều tra, truy tố và thẩm vấn, đều thành khẩn khai báo, không có hành vi quanh co, chối tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo Đ3 s Khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; Tự thú; Việc phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo thuộc hộ nghèo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo. Miễn án phí cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo thuộc hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự: - Bị cáo Bùi Văn Đ đã tự nguyện nộp vào cơ quan thi hành án dân sự huyện T để bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Đăng L, anh Lê Xuân Đ1. Mỗi người số tiền là 15.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Gia T2 đã tự nguyện nộp vào cơ quan thi hành án dân sự huyện T để bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Đăng L số tiền là 15.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn N đã tự nguyện nộp vào cơ quan thi hành án dân sự huyện Thanh Oai để bồi thường cho anh Lê Xuân Đại S tiền là 25.000.000 đồng.

Người bị hại có quan điểm:

Về hình phạt: Anh Lê Xuân Đ1 và anh Nguyễn Đăng L đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Về mức bồi thường dân sự: Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 - 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Bùi Văn Đ** từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 - 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Lê Gia T2** từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 - 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn N, Bùi Văn Đ, Lê Gia T2 cho UBND xã nơi bị cáo cư trú quản lý giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585 và 590 BLDS năm 2015, buộc:

+ Các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng liên Đ4 bồi thường cho Nguyễn Đăng L số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Trong đó Bùi Văn Đ, Lê Gia T2 mỗi người được đối trừ số tiền 15.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

+ Các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N liên đới bồi thường cho Lê Xuân Đại S tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng. Trong đó Bùi Văn Đ được đối trừ số tiền 15.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

- Vật chứng, tài sản thu giữ: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX: Tịch thu tiêu hủy hung khí của vụ án là 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 86cm và 01 tuýt bằng kim loại được sơn màu vàng dài 76cm.

- Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 11, 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp án phí HSST và DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo và buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

Bị hại: - Anh Lê Xuân Đ1 có ý kiến: Về mức hình phạt đối với các bị cáo, anh Đại đồng ý với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề xuất đối với bị cáo Bùi Văn Đ.

Về mức bồi thường: Anh Lê Xuân Đ1 chỉ yêu cầu các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N bồi thường 40 triệu đồng.

- Anh Nguyễn Đăng L có ý kiến: Về mức hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về mức bồi thường: Anh Nguyễn Đăng L chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường 35 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 22/10/2024, tại khu vực xóm T Trong, thôn T Trong, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Bùi Văn Đ dùng 01 thanh tuýt bằng kim loại, Phạm Văn N dùng 01 thanh kiếm bằng kim loại và Lê Gia T2 dùng 01 ống nhựa, đều là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho Lê Xuân Đ1, Nguyễn Đăng L, trong đó:

Bùi Văn Đ dùng thanh tuýt, Phạm Văn N dùng thanh kiếm đánh vào chân, tay của Lê Xuân Đ1, khiến Đ1 bị tổn hại 07% sức khỏe.

Bùi Văn Đ dùng thanh tuýt, Phạm Văn N dùng thanh kiếm và Lê Gia T2 dùng ống nhựa đánh vào người, tay, chân của Nguyễn Đăng L, khiến L bị tổn hại 05% sức khỏe.

Ngày 23/12/2024, Nguyễn Đăng L, Lê Xuân Đ1 có đơn yêu cầu khởi tố đối với các đối tượng gây ra thương tích cho mình theo quy định của pháp luật.

Đủ cơ sở kết luận các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng phạm T7 “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại đến sức khỏe của công dân. Gây mất trật tự tại địa phương. Bởi vậy cần có mức hình phạt nhất định để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo trong vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo Bùi Văn Đ và Phạm Văn N: Sau khi bị Đ1 có dùng tay tát 02 phát vào mặt Đ. Đ chở N đi về phòng trọ ở thôn T Trong, xã T, huyện T cách quán cắt tóc khoảng 400m. Hai bị cáo đều chủ động dùng hung khí để tham gia đánh nhau và gây thương tích cho Lê Xuân Đ1 và Nguyễn Đăng L. Mức độ phạm tội của hai bị cáo là quyết liệt. Vì vậy trong vụ án này 2 bị cáo có vai trò ngang nhau và chủ yếu.

Đối với bị cáo Lê Gia T2. Sau khi bị cáo Đ điện thoại báo, bị cáo đã chuẩn bị hung khí và đi xe máy đến nơi thấy Đ, N bị Nguyễn Đăng L đuổi đánh nên T2 dùng xe, giật ống nhựa từ tay của H4 và lao vào đánh L. Bị cáo T2 tham gia với vai trò giúp sức và là thứ hai trong vụ án.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo bởi lẽ:

- Các Bị cáo Đ và N: Điều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; Việc phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại; Các Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

- Bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo thuộc hộ nghèo.

Đây là tình tiết giảm nhẹ: Theo điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Bị cáo Lê Gia T2: Khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo là con của người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ: Theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

[2.1] Tại phiên tòa: Anh Lê Xuân Đ1 yêu cầu các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N bồi thường cho anh Đ1 với số tiền là 40.000.000 đồng.

Xét yêu cầu này của anh Đ1 là phù hợp. Các bị cáo đều đã tự nguyện nộp tiền bồi thường cho anh Đ1 tại cơ quan thi hành án.

Cụ thể: Bị cáo Bùi Văn Đ đã bồi thường 15 triệu đồng; Bị cáo Phạm Văn N đã bồi thường 25 triệu đồng. (đối với số tiền bồi thường chênh lệch các bị cáo tự giải quyết với nhau, không yêu cầu xem xét).

Vì vậy cần tuyên buộc bị cáo Bùi Văn Đ và Phạm Văn N phải bồi thường cho anh Lê Xuân Đ1 số tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe là 40 triệu đồng. (Được đối trừ vào số tiền đã nộp theo hóa đơn số 0020989 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020993 ngày 05 – 6 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

T8 trả cho anh Lê Xuân Đ1 số tiền 40.000.000 đồng tiền bồi thường sức khỏe do các bị cáo Bùi Văn Đ và Phạm Văn N đã nộp. (theo hóa đơn số 0020989 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020993 ngày 05 – 6 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

[2.2] Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Đăng L yêu cầu các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia T2 bồi thường cho anh L với số tiền là 35.000.000 đồng.

Xét yêu cầu này của anh L là phù hợp. Các bị cáo Đ, T2 đều đã tự nguyện nộp tiền bồi thường cho anh Đ1 tại cơ quan thi hành án.

Cụ thể: Bị cáo Bùi Văn Đ bồi thường 15 triệu đồng; Bị cáo Lê Gia T2 bồi thường 15 triệu đồng.

- Vì vậy cần tuyên buộc bị cáo Bùi Văn Đ và Phạm Văn N, Lê Gia T2 phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng L số tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe là 35 triệu đồng.

Bị cáo Bùi Văn Đ phải bồi thường 15 triệu đồng; Bị cáo Lê Gia T2 phải bồi thường 15 triệu đồng. (Được đối trừ vào số tiền đã nộp theo hóa đơn số 0020988 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020987 ngày 29 – 5 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội). Đối với số tiền bồi thường chênh lệch các bị cáo tự giải quyết với nhau, không yêu cầu xem xét.

Bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe.

- Tuyên trả cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 30.000.000 đồng tiền bồi thường sức khỏe do các bị cáo Bùi Văn Đ và Lê Gia T2 đã nộp. (theo hóa đơn số 0020988 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020987 ngày 29 – 5 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

(Đối với mức bồi thường chênh lệch của từng bị cáo cho các bị hại. Các bị cáo có quan điểm tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét).

[3] Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 86cm, chuôi bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm dài 63cm mũi nhọn và 01 tuýt bằng kim loại được sơn màu vàng dài 76cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 – 6 – 2025 của Chi cục thi hành án huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

[4] Vụ án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đảm bảo tính hợp pháp của các quyết định tố tụng và đảm bảo đúng trình tự tố tụng.

Án phí: Do bị cáo Đ thuộc hộ nghèo, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo Phạm Văn N, Lê Gia T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N, Lê Gia Trọng phạm T7 “**Cố ý gây thương tích**”

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 15 (mười lăm) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lê Gia T2 12 (mười hai) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn Đ được hưởng án treo cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn N được hưởng án treo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lê Gia T2 được hưởng án treo cho UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Trách nhiệm dân sự: - Áp dụng khoản 1 Điều 584; Điều 590 Bộ luật dân sự.

- Buộc các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N2 phải liên đới bồi thường cho anh Lê Xuân Đại S tiền 40.000.000 đồng. (Được đối trừ vào số tiền đã nộp theo hóa đơn số 0020989 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020993 ngày 05 – 6 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

T8 trả cho anh Lê Xuân Đại S tiền 40.000.000 đồng là tiền bồi thường sức khỏe do các bị cáo Bùi Văn Đ và Phạm Văn N đã nộp. (theo hóa đơn số 0020989 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020993 ngày 05 – 6 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

- Buộc các bị cáo Bùi Văn Đ, Phạm Văn N2, Lê Gia T2 phải liên đới bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Đăng L số tiền 35.000.000 đồng.

+ Phần bồi thường của mỗi bị cáo là: Bị cáo Bùi Văn Đ phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo Lê Gia T2 phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. (Được đối trừ vào số tiền đã nộp theo hóa đơn số 0020988 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020987 ngày 29 – 5 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

- Bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe.

- Tuyên trả cho anh Nguyễn Đăng L số tiền 30.000.000 đồng tiền bồi thường sức khỏe do các bị cáo Bùi Văn Đ và Lê Gia T2 đã nộp. (theo hóa đơn số 0020988 ngày 29 – 5 – 2025 và 0020987 ngày 29 – 5 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội).

5. Áp dụng: Các Điều 106, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về tang vật: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 86cm, chuôi bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm dài 63cm mũi nhọn và 01 tuýt bằng kim loại được sơn màu vàng dài 76cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 – 6 – 2025 của Chi cục thi hành án huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Về án phí: Do bị cáo Bùi Văn Đ thuộc hộ nghèo, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

Lê Gia T2 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có mặt. Có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Oai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Thắng